TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:62/2026/DS -ST
Ngày 22 tháng 5 năm 2026
Về tranh chấp hợp đồng vay tiền

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Nam Hưng;

Bà Phan Thị Tuyền;

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hiền – chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 592/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng vay tiền, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2026/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988; địa chỉ: A K, phường H, thành phố Đà Nẵng, có mặt;

2. Bị đơn: Bà Vương Thị H1, sinh năm 1986; địa chỉ: K P, phường H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2025 và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Vào ngày 12/3/2025 bà Vương Thị H1 có vay của bà H số tiền 250.000.000đ, lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn vay là 03 tháng, kể từ ngày 12/3/2025 – 11/6/2024 bà H1 có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà H, việc vay có lập hợp đồng, bà H1 ký tên xác nhận nợ. Đến hạn, nhiều lần bà H yêu cầu bà H1 thanh thanh toán số tiền nợ trên, nhưng bà H1 lẫn tránh, hưa hẹn nhiêu lần nhưng không thực hiện. Ngày 10/5/2025, bà H đến nhà bà H1 đòi nợ và có yêu cầu vợ chồng bà H1, ông Võ Minh T ký xác nhận thêm 02 giấy nhận nợ, trong đó có 01 giấy xác nhận có nợ 100.000.000đ và 01 giấy xác nhận có nợ 150.000.000đ, tổng số tiền là 250.000.000đ. Tại phiên, tòa bà H có giao nộp bổ sung 02 giấy xác nhận nợ trên cho Tòa án. Tuy nhiên, bà H cho rằng việc vay tiền trên là giao dịch giữa bà với bà H1, không liên quan gì đến ông Võ Minh T nên cầu bà H1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 250.000.000đ cho bà H1 và không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn bà Vương Thị H1 nhưng bà H1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng bị đơn;

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 12/3/2025 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bà Vương Thị H1 trả toàn bộ số tiền nợ gốc 250.000.000đ. Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ Luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bà H xuất trình thêm 02 giấy vay tiền viết ngày 10/5/2015, do vợ chồng bà H1 ông Võ Minh T ký xác nhận nợ, theo bà H trình bày, hai giấy xác nhận nợ trên là lúc bà đến nhà bà H1 nợ do bà H1 không có tiền trả nên bà có yêu cầu vợ chồng bà H1, ông T ký xác nhận nợ vào 02 tờ giấy trên; bà H xác nhận, việc vay mượn trên là giao dịch riêng giữa bà với bà H1, không liên quan gì đến ông T nên bà yêu cầu bà H1 trả số tiền nợ trên là tự nguyên, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp nghĩa vụ trả tiền đối với bị đơn bà Vương Thị H1, địa chỉ: K P, phường H, thành phố Đà Nẵng. Ngày 29/12/2025, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Vương Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng bị đơn;

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 12/3/2025 bà Vương Thị H1 có vay của bà H số tiền 250.000, đến hạn trả nợ, nhiều lần bà H yêu cầu nhưng bà H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ trên. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 250.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thể hiện: Theo giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp, thể hiện ngày 12/3/2025, bà Vương Thị H1 có mượn của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 250.000.000đ và hẹn trong vòng 3 tháng, đến ngày 11/6/2024, bà H1 sẽ trả số tiền trên cho bà H. Tuy nhiên, đến hạn bà H đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà H1 không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, bà H xuất trình thêm 02 giấy vay tiền viết ngày 10/5/2015, do vợ chồng bà H1 ông Võ Minh T ký xác nhận nợ, theo bà H trình bày, hai giấy xác nhận nợ trên là lúc bà đến nhà bà H1 đòi tiền, do bà H1 không có tiền trả nên bà có yêu cầu vợ chồng bà H1, ông T ký xác nhận nợ vào 02 tờ giấy trên để làm căn cứ; bà H xác nhận, việc vay mượn trên là giao dịch giữa bà với bà H1, không liên quan đến ông T nên yêu cầu bà H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 250.000.000đ trên, không yêu cầu tính lãi; xét thấy, yêu cầu trên của bà H là tự nguyên, phù hợp với quy định của pháp luật (quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự) nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Vương Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền nợ 250.000.000đ;

[3]Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn bà Vương Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án). Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000đ, theo Biên lai số 7812 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí án).

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Vương Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật sự;

2/ Về án phí dân sự: buộc Vương Thị H1 phải chịu 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), theo lai số 7812 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ;

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND khu vực 4;
- Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 4;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Vũ